

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 151 /2019/QĐST-HNGĐ

TP Kon Tum, ngày 12 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 250/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 “về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1995, địa chỉ: Số 150 Đoàn Thị Điểm tổ 9, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum;

2. Anh Nguyễn Đức V, sinh 1987, địa chỉ: Số 8 Trần Bình Trọng thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Chị Trần Thị Ngọc T và Anh Nguyễn Đức V là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 27/2017 ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thị trấn Đắk Rve, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum;

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên K sinh ngày 24/12/2017. Chị Trần Thị Ngọc T và anh Nguyễn Đức V thống nhất giao cho Chị Trần Thị Ngọc T có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi con chung tròn 18 (Mười tám) tuổi và có khả năng lao động.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Ngọc T yêu cầu anh Nguyễn Đức V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000,đ (Hai triệu đồng), thời hạn cấp

dưỡng tính từ ngày 01/06/2019. Anh Nguyễn Đức V thống nhất với yêu cầu của chị Trần Thị Ngọc T.

[4] Về tài sản chung đã thỏa thuận tự chia không yêu cầu tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

[5] Xét thấy, chị Trần Thị Ngọc T và anh Nguyễn Đức V thật sự tự nguyện ly hôn theo đơn yêu cầu ghi ngày 22/5/2019 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành tại Tòa án ngày 04/6/2019; Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc T và anh Nguyễn Đức V thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2017 ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thị trấn Đắk Rve, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum hết hiệu lực.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 24/12/2017 cho chị Trần Thị Ngọc T được nuôi dưỡng và có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con cho đến khi con chung tròn 18 (Mười tám) tuổi và có khả năng lao động.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Đức V có nghĩa vụ phải đóng góp tiền cấp cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Ngọc Thiên K mỗi tháng 2.000.000,đ (Hai triệu đồng), thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 01/06/2019.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị Ngọc T và anh Nguyễn Đức V thỏa thuận tự chia không yêu cầu tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Anh Vinh có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở; anh Vinh không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Ngọc T nhận chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được đối trừ vào tiền nộp tạm ứng lệ phí theo Biên lai số: 0001258 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THADS TP KonTum;
- Các đương sự;
- Nơi thực hiện việc ĐK kết hôn;
- Lưu hồ sơ ./.

THẨM PHÁN

Phạm Bá Nghiê